

Số: 11 /TM-BV

Lâm Đồng, ngày 09 tháng 7 năm 2025

**THƯ MỜI BÁO GIÁ**  
**Về việc may trang phục y tế năm 2025**

Kính gửi: Các Công ty, Đơn vị cung cấp

Bệnh viện Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng Bình Thuận đang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu: May trang phục y tế năm 2025 sử dụng tại Bệnh viện với nội dung cụ thể như sau:

**I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá**

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Y học cổ truyền – Phục hồi chức năng Bình Thuận.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Văn Thư phòng Tổ chức – Hành chính. Số điện thoại: (0252) 3823439, Email: [bt.bvyhct.hc@gmail.com](mailto:bt.bvyhct.hc@gmail.com).

3. Cách thức tiếp nhận báo giá

- Nhận trực tiếp tại: Phòng Tổ chức – Hành chính, Bệnh viện Y học cổ truyền – Phục hồi chức năng Bình Thuận, theo địa chỉ: Lô 2A - KDC Hùng Vương, đường Võ Văn Kiệt, phường Phú Thủy, tỉnh Lâm Đồng. Lưu ý: Báo giá đã ký, đóng dấu và ngoài bì thư ghi rõ “BÁO GIÁ MAY TRANG PHỤC Y TẾ NĂM 2025”

- Bản scan đã ký, đóng dấu qua email: [bt.bvyhct.hc@gmail.com](mailto:bt.bvyhct.hc@gmail.com)

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 9/7/2025 đến 17h00 ngày 18/7/2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 60 ngày, kể từ 17h00 ngày 18/7/2025.

**II. Nội dung yêu cầu báo giá**

1. Nội dung yêu cầu báo giá

Danh mục, số lượng, quy cách theo phụ lục đính kèm thư mời báo giá.


2. Nội dung báo giá lưu ý

- Báo giá phải có thông tin: Tên Công ty, đơn vị; địa chỉ; điện thoại; mã số thuế; thể hiện địa danh, ngày tháng năm của Báo giá.

- Báo giá theo đơn vị tính của hàng hóa và tính theo đồng Việt Nam.

- Báo giá đã bao gồm thuế VAT, chi phí vận chuyển và các chi phí khác (nếu có).

Kính đề nghị các công ty, đơn vị cung cấp quan tâm gửi báo giá về Bệnh viện Y học cổ truyền – Phục hồi chức năng Bình Thuận.

Trân trọng cảm ơn ! 

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Công TTĐT Bệnh viện;
- Lưu: VT, TC-HC, Chi.

**KT. GIÁM ĐỐC**   
**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
  
**Phạm Thanh Bình**



**PHỤ LỤC DANH MỤC  
MAY TRANG PHỤC Y TẾ NĂM 2025**

(Đính kèm **ĐƠN MẪU SỐ 41** /TM-BV ngày **09** tháng 7 năm 2025  
Của Bệnh viện Y học cổ truyền – Phục hồi chức năng Bình Thuận)

STT	Danh mục	Quy cách/ Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Số lượng
1	Trang phục Bác sỹ	<p>1. Áo:</p> <p>a) Màu sắc: màu trắng. Chất liệu: Kate ford</p> <p>b) Kiểu dáng: Áo blouse cổ bẻ Danton, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang hông. Ngực trái có in logo của bệnh viện.</p> <p>c) Tiêu chuẩn kỹ thuật: Mật độ (đọc x ngang) (sợi/10 cm): Chiều dọc: 399-400; Chiều ngang: 316-317; Độ bền màu giặt ở 40°C (Phai màu-cấp): 4 - 5. Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (đọc x ngang) (%): Chiều dọc: (-0,5) - (-0,6); Chiều ngang: (0,0) - (0,1)</p> <p>2. Quần:</p> <p>a) Màu sắc: Màu trắng. Chất liệu: Kaki</p> <p>b) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau.</p> <p>c) Tiêu chuẩn kỹ thuật: Mật độ (đọc x ngang) (sợi/10 cm): Chiều dọc: 472 - 473; Chiều ngang: 280 - 281; Độ bền màu giặt ở 40°C (Phai màu-cấp): 4 - 5. Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (đọc x ngang) (%): Chiều dọc: (-0,9) - (-1,0), Chiều ngang: (0,0) - (0,1).</p> <p>3. Mũ: Màu sắc theo màu sắc của áo.</p>	Bộ	40
2	Trang phục Điều dưỡng, hộ sinh viên, Y sỹ, Kỹ thuật viên, Kỹ thuật y, Y tế công cộng	<p>1. Áo:</p> <p>a) Chất liệu: vải Kate ford.</p> <p>b) Kiểu dáng:</p> <p>* Nữ:</p> <p>+ Áo màu trắng, cổ sen, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo</p>	Bộ	98



STT	Danh mục	Quy cách/ Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Số lượng
		<p>ngang hông, phía trước có 2 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái; Ngực trái có in logo của bệnh viện.</p> <p>+ Cổ áo, túi áo, tay áo có viền màu sắc theo khoa, viền rộng 0,5 cm.</p> <p>* Nam:</p> <p>+ Áo màu trắng, cổ hai ve, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 2 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái; Ngực trái có in logo của bệnh viện</p> <p>+ Cổ áo, túi áo, tay áo có viền màu sắc theo khoa, viền rộng 0,5 cm.</p> <p>c) Tiêu chuẩn kỹ thuật: Mật độ (đọc x ngang) (sợi/10 cm): Chiều dọc: 399-400; Chiều ngang: 316-317; Độ bền màu giặt ở 40°C (Phai màu-cấp): 4 - 5. Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (đọc x ngang) (%): Chiều dọc: (-0,5) - (-0,6); Chiều ngang: (0,0) - (0,1).</p> <p>2. Quần:</p> <p>a) Màu sắc: màu trắng; Chất liệu: Kaki.</p> <p>b) Kiểu dáng: quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau.</p> <p>c) Tiêu chuẩn kỹ thuật: Mật độ (đọc x ngang) (sợi/10 cm): Chiều dọc: 472 – 473; Chiều ngang: 280 - 281; Độ bền màu giặt ở 40°C (Phai màu-cấp): 4 - 5. Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (đọc x ngang) (%): Chiều dọc: (-0,9) - (-1,0), Chiều ngang: (0,0) - (0,1).3.</p>		

STT	Danh mục	Quy cách/ Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Số lượng
		Màu sắc từng khoa: + Khoa Khám: màu xanh lá mạ + Khoa Chẩn đoán hình ảnh: màu xanh ngọc bích đậm + Khoa Hồi sức tích cực: màu xanh ngọc lam + Khoa Phục hồi chức năng: màu xanh ngọc bích + Khoa Nội: màu xanh dương nhạt + Khoa Lão: màu xanh lá đậm + Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn: màu xanh tím than + Khoa Xét nghiệm: màu xanh mỏng kết + Phòng KHTH-ĐD-DD: màu xanh dương đậm.		
3	Trang phục Dược sỹ	1. Áo: a) Màu sắc: màu trắng; Chất liệu: vải Kate ford. b) Kiểu dáng: Áo blouse cổ hai ve, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang hông; Ngực trái có in logo bệnh viện c) Tiêu chuẩn kỹ thuật: Mật độ (đọc x ngang) (sợi/10 cm): Chiều dọc: 399-400; Chiều ngang: 316-317; Độ bền màu giặt ở 40°C (Phai màu-cấp): 4 - 5. Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (đọc x ngang) (%): Chiều dọc: (-0,5) - (-0,6); Chiều ngang: (0,0) - (0,1). 2. Quần: a) Màu sắc: Màu trắng. Chất liệu: Kaki. b) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. c) Tiêu chuẩn kỹ thuật: Mật độ (đọc x ngang) (sợi/10 cm): Chiều dọc: 472 - 473; Chiều ngang: 280 - 281; Độ	Bộ	19



STT	Danh mục	Quy cách/ Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Số lượng
		<p>bền màu giặt ở 40°C (Phai màu-cấp): 4 - 5. Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (đọc x ngang) (%): Chiều dọc: (-0,9) - (-1,0), Chiều ngang: (0,0) - (0,1).  3. Mũ: Màu sắc như màu sắc của áo.</p>		
4	Trang phục Hộ lý	<p>1. Áo:  a) Màu sắc: màu xanh hòa bình. Chất liệu: Kate ford  b) Kiểu dáng: Áo cổ trái tim, cài cúc giữa, dài tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 2 túi, có khuy cài bên tên trên ngực trái, in logo của bệnh viện.  c) Tiêu chuẩn kỹ thuật: Mật độ (đọc x ngang) (sợi/10 cm): Chiều dọc: 455 – 456; Chiều ngang: 364- 365; Độ bền màu giặt ở 40°C (Phai màu-cấp): 4 - 5. Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (đọc x ngang) (%): Chiều dọc: (0,0) - (0,1), Chiều ngang: (0,0) - (0,1).  2. Quần:  a) Màu sắc: Màu xanh hòa bình. Chất liệu: Kate ford  b) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau.  c) Tiêu chuẩn kỹ thuật: Mật độ (đọc x ngang) (sợi/10 cm): Chiều dọc: 455 – 456; Chiều ngang: 364- 365; Độ bền màu giặt ở 40°C (Phai màu-cấp): 4 - 5. Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (đọc x ngang) (%): Chiều dọc: (0,0) - (0,1), Chiều ngang: (0,0) - (0,1).  3. Mũ: Theo màu sắc của áo</p>	Bộ	11
5	Trang phục Bảo trì điện nước; Y công nam	<p>1. Áo:  a) Màu sắc: màu xanh đen. Chất liệu: Kate ford  b) Kiểu dáng: Áo bu đông, cổ đực, cài cúc giữa, dài tay, có nẹp cầu vai, gấu tay có măng xéc hoặc lơ vê, phía trước có 2 túi có nắp, có khuy cài bên tên trên ngực trái, in logo của bệnh viện.</p>	Bộ	4

STT	Danh mục	Quy cách/ Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Số lượng
		<p>c) Tiêu chuẩn kỹ thuật: Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): Chiều dọc: 465 – 466; Chiều ngang: 320- 321; Độ bền màu giặt ở 40°C (Phai màu- cấp): 4 - 5. Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (dọc x ngang) (%): Chiều dọc: (0,0) - (0,1), Chiều ngang: (0,0) - (0,1).</p> <p>2. Quần:</p> <p>a) Màu sắc: Màu xanh đen. Chất liệu: Kaki</p> <p>b) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau.</p> <p>c) Tiêu chuẩn kỹ thuật:</p> <p>Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): Chiều dọc: 245 – 246; Chiều ngang: 200- 201; Độ bền màu giặt ở 40°C (Phai màu- cấp): 4 - 5. Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (dọc x ngang) (%): Chiều dọc: (-0,8) - (-0,9), Chiều ngang: (-0,4) - (-0,5).</p>		
6	Trang phục Lái xe	<p>1. Áo:</p> <p>a) Màu sắc: màu xanh coban nhạt. Chất liệu: Kate ford</p> <p>b) Kiểu dáng: Áo bu đông, cổ đực, cài cúc giữa, dài tay, có nẹp cầu vai, gấu tay có măng xéc hoặc lơ vê, phía trước có 2 túi có nắp, có khuy cài bên trên ngực trái, in logo của bệnh viện.</p> <p>c) Tiêu chuẩn kỹ thuật: Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): Chiều dọc: 465 – 466; Chiều ngang: 320- 321; Độ bền màu giặt ở 40°C (Phai màu- cấp): 4 - 5. Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (dọc x ngang) (%): Chiều dọc: (0,0) - (0,1), Chiều ngang: (0,0) - (0,1).</p> <p>2. Quần:</p> <p>a) Màu sắc: Màu xanh đen. Chất liệu: Kaki</p> <p>b) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau.</p> <p>c) Tiêu chuẩn kỹ thuật: Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): Chiều dọc: 245</p>	Bộ	2

STT	Danh mục	Quy cách/ Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Số lượng
		- 246; Chiều ngang: 200- 201; Độ bền màu giặt ở 40°C (Phai màu-cấp): 4 - 5. Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (đọc x ngang) (%): Chiều dọc: (-0,8) - (-0,9), Chiều ngang: (-0,4) - (-0,5).		
7	Trang phục Khối hành chính	<p>1. Áo:</p> <p>a) Màu sắc: màu sáng. Chất liệu : Kate</p> <p>b) Kiểu dáng: Áo sơ mi, cổ đực, cài cúc giữa, dài tay, có khuy cài bên trên trên ngực trái, in logo của bệnh viện.</p> <p>c) Tiêu chuẩn kỹ thuật: Mật độ (đọc x ngang) (sợi/10 cm): Chiều dọc: 524 - 525; Chiều ngang: 308- 309; Độ bền màu giặt ở 40°C (Phai màu-cấp): 4 - 5. Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (đọc x ngang) (%): Chiều dọc: (-1,0) - (-1,1), Chiều ngang: (0,0) - (0,1).</p> <p>2. Quần đối với nam, chân váy đối với nữ</p> <p>a) Màu sắc: Màu sẫm. Chất liệu: Selen</p> <p>b) Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. Chân váy kiểu jupe, tối thiểu dài ngang gối.</p> <p>c) Tiêu chuẩn kỹ thuật: Mật độ (đọc x ngang) (sợi/10 cm): Chiều dọc: 484- 485; Chiều ngang: 348- 349; Độ bền màu giặt ở 40°C (Phai màu-cấp): 4 - 5. Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (đọc x ngang) (%): Chiều dọc: (-0,8) - (-0,9), Chiều ngang: (0,0) - (0,1).</p>	Bộ	17